

Số: 08 /QĐ-HĐQL

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế Huy động vốn của**  
**Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 21/1/2017 của UBND TP Hà Nội, về tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội; Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội; Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Thành phố trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ vào Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 1660/SNV-TCBC ngày 31/7/2018 của Sở Nội vụ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;



Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 874/TTr-QĐTPT ngày 13/9/2018 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội,

### QUYẾT ĐỊNH:

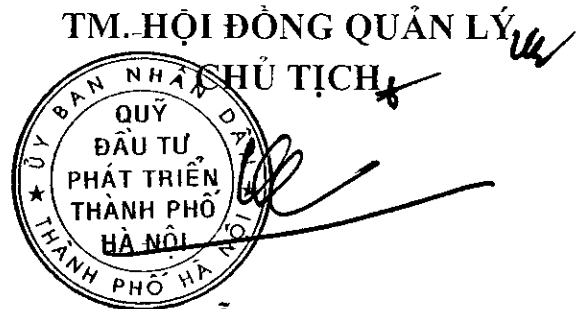
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các Phòng thuộc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Đức Chung

**QUY CHẾ  
HUY ĐỘNG VỐN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **08 /QĐ-HĐQL** ngày **27/9/2018**  
của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Phạm vi áp dụng: quy chế này quy định việc huy động vốn của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ Đầu tư) để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay đầu tư vào các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của thành phố Hà Nội được UBND Thành phố ban hành.

2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng cho Quỹ Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Vốn chủ sở hữu*” bao gồm vốn điều lệ thực có, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. “*Huy động vốn*” là việc Quỹ Đầu tư nhận các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng huy động vốn; trái phiếu Quỹ Đầu tư và các hình thức khác theo quy định pháp luật.

3. “*Hợp đồng huy động vốn*” là văn bản thỏa thuận giữa Quỹ Đầu tư với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về việc huy động vốn, vay vốn.

4. “*Trái phiếu Quỹ Đầu tư*” là một loại chứng khoán nợ do Quỹ Đầu tư phát hành, xác nhận nghĩa vụ trả cả gốc, lãi và các nghĩa vụ khác của Quỹ Đầu tư đối với người sở hữu trái phiếu.

5. “*Thời hạn huy động*” là khoảng thời gian theo hợp đồng huy động tính từ ngày Quỹ Đầu tư nhận được khoản tiền huy động đến ngày Quỹ Đầu tư cam kết hoàn trả hết tiền gốc và lãi.

6. “*Thời gian trả nợ*” là khoảng thời gian Quỹ Đầu tư bắt đầu trả nợ gốc (khoản đầu tiên) cho đến khi trả hết nợ vay theo hợp đồng vay vốn.

7. “*Điều chỉnh thời gian trả nợ*” là việc Quỹ Đầu tư và các tổ chức, cá nhân thỏa thuận lại thời gian trả nợ theo hợp đồng vay vốn.

8. “*Giới hạn huy động*” là tổng mức huy động các nguồn vốn trên tổng nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư tại cùng thời điểm.

### **Điều 3. Đối tượng huy động vốn**

Là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước, đáp ứng nhu cầu huy động vốn của Quỹ Đầu tư.

### **Điều 4. Mục đích huy động vốn**

Quỹ Đầu tư thực hiện huy động vốn trung và dài hạn nhằm mở rộng quy mô, đảm bảo hiệu quả các hoạt động cho vay đầu tư, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế vào các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của thành phố Hà Nội được UBND Thành phố ban hành.

### **Điều 5. Nguyên tắc huy động vốn**

Quỹ Đầu tư được huy động vốn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo các nguyên tắc cơ bản sau:

1. Việc huy động vốn phải thực hiện theo kế hoạch huy động vốn hàng năm được duyệt.
2. Nguồn vốn huy động là nguồn vốn trung và dài hạn (là các nguồn vốn có thời hạn trả nợ từ 12 tháng trở lên).
3. Hình thức huy động vốn theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.
4. Giới hạn huy động vốn theo quy định tại Điều 11 của Quy chế này.
5. Thẩm quyền huy động vốn theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

### **Điều 6. Kế hoạch huy động vốn**

1. Hàng năm, căn cứ nhu cầu sử dụng vốn, Quỹ Đầu tư xây dựng kế hoạch huy động vốn kèm theo Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch tài chính của Quỹ Đầu tư báo cáo Hội đồng quản lý trình UBND Thành phố phê duyệt.

2. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, Quỹ Đầu tư phải huy động vốn vượt kế hoạch được giao đầu năm, Quỹ Đầu tư báo cáo UBND Thành phố và Hội đồng quản lý quyết định bổ sung kế hoạch huy động vốn để triển khai thực hiện.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 7. Nguồn vốn huy động**

- a) Nguồn đi vay;
- b) Nguồn từ phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư.

#### **Điều 8. Hình thức huy động vốn**

Quỹ Đầu tư được phép thực hiện huy động vốn thông qua các hình thức sau:

1. Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

2. Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư theo quy định về huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Điều kiện huy động vốn**

1. Việc huy động vốn phải được thực hiện cho dự án mục tiêu cụ thể, khả thi về mặt tài chính và có khả năng thu hồi vốn cho Quỹ Đầu tư.

2. Thuộc đối tượng huy động vốn quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

3. Huy động vốn đối với các tổ chức: các tổ chức phải có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

4. Huy động vốn đối với cá nhân: các cá nhân phải từ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Luật Dân sự.

5. Trường hợp huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

6. Trường hợp huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư thì phương án phát hành trái phiếu phải được UBND Thành phố xem xét, chấp thuận.

### **Điều 10. Đồng tiền huy động**

Quỹ Đầu tư thực hiện huy động vốn bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ. Trường hợp huy động vốn bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

### **Điều 11. Giới hạn huy động vốn**

Quỹ Đầu tư được phép huy động tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư tại cùng thời điểm.

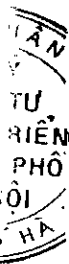
### **Điều 12. Lãi suất huy động vốn**

1. Trường hợp huy động vốn để cho vay lại, lãi suất huy động vốn thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận nhưng phải thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do UBND Thành phố ban hành tại thời điểm huy động vốn, bảo đảm bù đắp chi phí và tính hiệu quả của việc sử dụng vốn huy động.

2. Trường hợp huy động vốn để đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, lãi suất huy động vốn thực hiện theo nguyên tắc thỏa thuận, bảo đảm bù đắp chi phí và tính hiệu quả của việc sử dụng vốn huy động.

3. Trường hợp huy động hoặc vay nợ nước ngoài thì lãi suất huy động được thực hiện theo từng chương trình, dự án cụ thể và đảm bảo quy định về quản lý vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

4. Lãi suất huy động của trái phiếu Quỹ Đầu tư theo từng phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



### **Điều 13. Thời gian huy động vốn**

1. Thời gian huy động vốn được thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ Đầu tư với từng đối tượng huy động vốn của Quỹ Đầu tư nhưng không dưới 12 tháng và được cụ thể hóa trong hợp đồng huy động vốn.

2. Đối với trái phiếu Quỹ Đầu tư thì thời gian huy động là thời gian phát hành trái phiếu trong phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 14. Thẩm quyền quyết định huy động vốn**

Trên cơ sở kế hoạch huy động vốn năm được UBND Thành phố thông qua, Quỹ Đầu tư quyết định phương án huy động vốn trong giới hạn huy động vốn quy định tại Điều 11 quy chế này.

### **Điều 15. Trình tự huy động vốn**

1. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước:

- Quỹ Đầu tư xác định nhu cầu vốn huy động đối với hoạt động cho vay đầu tư, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp.

- Tìm kiếm các đối tác đáp ứng nhu cầu huy động vốn của Quỹ Đầu tư.

- Thỏa thuận các điều kiện huy động vốn.

- Xây dựng phương án huy động vốn trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Thực hiện ký kết hợp đồng huy động vốn.

- Theo dõi, quản lý vốn huy động.

- Thanh toán gốc, lãi vốn huy động.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay và trả nợ nước ngoài.

3. Huy động vốn bằng phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư: áp dụng theo quy định về phát hành trái phiếu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

### **Điều 16. Sử dụng vốn huy động**

1. Vốn huy động của Quỹ Đầu tư được sử dụng vào các lĩnh vực sau:

a. Đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư đối với các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của thành phố Hà Nội được UBND Thành phố ban hành.

b. Góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty TNHH theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Việc sử dụng vốn huy động của Quỹ Đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a. Đảm bảo thu hồi vốn và trả nợ vốn huy động đúng hạn.

b. Sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

## **Điều 17. Kế hoạch, trách nhiệm trả nợ gốc và lãi vốn huy động khi đến hạn**

### **1. Kế hoạch trả nợ**

a. Khi có số dư huy động vốn, Quỹ Đầu tư phải xây dựng kế hoạch trả nợ gốc và lãi vốn huy động trong kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm.

b. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn

### **2. Trách nhiệm trả nợ gốc và lãi vốn huy động khi đến hạn**

#### **a. Thời hạn trả nợ gốc và lãi**

- Đối với Hợp đồng huy động vốn: Việc trả nợ gốc và lãi được thực hiện theo định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc trả một lần khi đến hạn theo thỏa thuận tại các Hợp đồng huy động vốn.

Trường hợp huy động vốn của các tổ chức nước ngoài phải theo quy định cụ thể đã thỏa thuận trong chương trình huy động giữa Quỹ Đầu tư và khách hàng, đồng thời đảm bảo quy định về vay và trả nợ nước ngoài của Chính phủ.

- Đối với trái phiếu Quỹ Đầu tư:

+ Trả lãi hàng kỳ 6 tháng hoặc hàng năm và lãi không nhập gốc.

+ Trả gốc đến khi hết kỳ hạn.

b. Đến hạn thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng huy động vốn đã ký kết hoặc kế hoạch huy động vốn đã được phê duyệt, Quỹ Đầu tư lập các thủ tục để trả đầy đủ cho đối tượng mà Quỹ Đầu tư đã huy động vốn.

c. Lãi huy động có thể chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tùy theo thỏa thuận giữa khách hàng và Quỹ Đầu tư trên cơ sở quy định về sử dụng tiền mặt và ngoại hối do nhà nước quy định.

d. Đồng tiền thanh toán lãi và trả nợ gốc vốn huy động là đồng Việt Nam. Trường hợp trả lãi và gốc bằng ngoại tệ phải được thực hiện theo quy định về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài.

## **Điều 18. Từ chối thanh toán**

1. Trường hợp các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước không thực hiện đúng các quy định tại Hợp đồng huy động vốn và các thỏa thuận có liên quan khác.

2. Trường hợp các hợp đồng huy động vốn, chứng chỉ hoặc chứng nhận trái phiếu do Quỹ Đầu tư phát hành bị bất kỳ bên thứ ba nào khác lợi dụng mà không phải do lỗi của Quỹ Đầu tư, Quỹ Đầu tư được quyền từ chối việc chi trả nợ gốc và lãi.

## **Điều 19. Quản lý vốn huy động**

1. Vốn huy động được chuyển vào tài khoản tiền gửi của Quỹ mở tại các Ngân hàng thương mại để quản lý hoặc chuyển thẳng cho nhà thầu theo quy định của đơn vị cấp vốn và được quy định cụ thể trong hợp đồng huy động vốn.



## 2. Giải ngân vốn huy động

- Vốn huy động của Quỹ Đầu tư được giải ngân vào các dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Quy chế này;

- Tùy theo đặc điểm của từng dự án, Quỹ Đầu tư thực hiện giải ngân từ nguồn vốn huy động một lần hoặc theo tiến độ triển khai thực hiện dự án.

## 3. Theo dõi khoản vốn huy động

a. Thực hiện mở sổ quản lý theo dõi đầy đủ việc nhận nợ và sử dụng các khoản vốn huy động, gồm cả vốn gốc và các khoản lãi phải trả; Thực hiện chế độ hạch toán, báo cáo tài chính theo quy định hiện hành về chế độ kế toán và cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

b. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ, phát hiện sớm tình hình khó khăn để có giải pháp khắc phục kịp thời, không để phát sinh các khoản nợ quá hạn;

c. Đối với các khoản vốn huy động bằng ngoại tệ thì Quỹ Đầu tư phải hạch toán toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh của số dư nợ phải trả vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

## Điều 20. Chế độ báo cáo

Thực hiện các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, UBND Thành phố và Hội đồng quản lý.

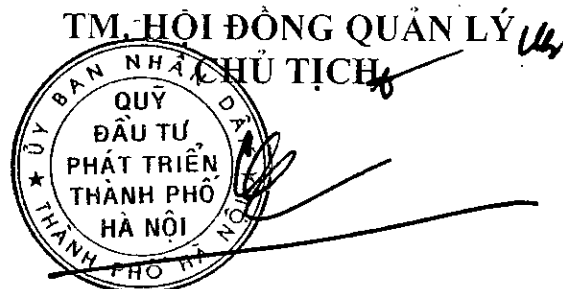
## CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Các quy định liên quan đến hoạt động huy động vốn không đề cập trong Quy chế này, được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và ban hành các quy định, quy trình (nếu có) để thi hành Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định. ✓



Nguyễn Đức Chung